

Bản án số: 15/2024/DS - ST  
Ngày: 11 - 7 -2024  
*V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Bích Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Viết Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Khuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2024/TLST- DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2024/QĐST- DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Đỗ Hoàng L - Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý (Văn bản uỷ quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/7/2023)

*Người đại diện tham gia tố tụng:* Ông Nguyễn Phúc T và ông Nguyễn Đức T1 (Theo Văn bản uỷ quyền số: 1206/2023/UQ-LCC-KHCNMB1 ngày 06/12/2023) - Ông T1 có mặt

**2. Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Lan H – sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHTT: Thôn T, xã M, huyện Ứ, thành phố Hà Nội.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Lê Văn H1 – sinh năm 1998 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHTT: Thôn T, xã M, huyện Ứ, thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện và các buổi làm việc tại Tòa nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

Chị **Nguyễn Thị Lan H** vay **Ngân hàng TMCP V** (gọi tắt **V1**) là **915,000,000 đồng** (Chín trăm mười lăm triệu đồng), cụ thể như sau:

+ Chị **Nguyễn Thị Lan H** vay của **V1** số tiền là 900.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số LN2205195809896 ngày 04/06/2022; thời hạn vay: 72 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu PEUGEOT, NEW PEUGEOT 3008-ALLURE, 1.6L,AT sản xuất mới 100%; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8.3%/năm; ngoài ra còn có các thỏa thuận khác.

+ Chị **Nguyễn Thị Lan H** vay của **V1** theo hợp đồng tín dụng số 102-P-0072016 cụ thể như sau: Hạn mức mở thẻ: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng); Loại thẻ: MC2; Mục đích vay: Phục vụ tiêu dùng cá nhân; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do **V1** quy định qua từng thời kỳ

Để bảo đảm khoản vay, chị **H** đã thế chấp tài sản là: 01 xe ô tô nhãn hiệu PEUGEOT, Số khung: RN2MJEP6ZNM091667, Số máy: 582364010UF205G02, Biển kiểm soát: 30H-765.37. Theo giấy chứng nhận đăng ký ô tô do phòng CSGT- **Công an Thành phố H** cấp ngày 04/07/2022. Thuộc quyền sở hữu của chị **Nguyễn Thị Lan H**. Hợp đồng thế chấp số LN2205195809896 ngày 04/06/2022.

Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, chị **H** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 05/01/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

**V1** đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc nhưng chị **H** không thanh toán nên đề nghị Tòa giải quyết:

+ Buộc chị **H** phải thanh toán cho **V1** toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan đến Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/5/2024 là: 1.072.163.898 đồng; trong đó nợ gốc: 827.041.423 đồng, nợ lãi: 213.797.683 đồng, nợ thẻ tín dụng: 31.324.792 đồng.

+ Buộc chị **H** tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng;

+ Trường hợp chị **H** không thanh toán trả **V1** số tiền gốc, lãi thì **V1** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 xe oto nhãn hiệu PEUGEOT, Số khung: RN2MJEP6ZNM091667, Số máy: 582364010UF205G02, Biển kiểm soát: 30H-765.37. Theo giấy chứng nhận đăng ký ô tô do phòng CSGT- **Công an Thành phố H** cấp ngày 04/07/2022. Thuộc quyền sở hữu của chị **Nguyễn Thị Lan H**. Hợp đồng thế chấp số LN2205195809896 ngày 04/06/2022 giữa **V1** với chị **H**.

**2. Bị đơn – chị Nguyễn Thị Lan H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Lê Văn H1:** không có quan điểm ý kiến gì.

\* Bà Vũ Thị P – sinh năm 1977, HKTT: Thôn T, xã M, huyện Ú, thành phố Hà Nội là mẹ đẻ anh Lê Văn H1, mẹ chồng chị H; bà cho biết có biết chị H, anh H1 mua xe ô tô và vay vốn ngân hàng còn xe gì, Biển kiểm soát bao nhiêu, vay ngân hàng bao tiền thì bà không biết; hiện tại hai anh chị đi làm thỉnh thoảng về, bà đã thông báo cho hai anh chị thì hai vợ chồng chị H bảo sẽ trả dần; bà cũng đề nghị Toà và ngân hàng xem xét miễn toàn bộ tiền lãi, tiền gốc thì cho hai anh chị trả dần.

Ngày 20/5/2024, Tòa đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với chiếc xe ô tô theo Hợp đồng thế chấp nhưng tại buổi làm việc chị H, anh H1 vắng mặt; bà P trình bày: hiện tại chiếc xe do vợ chồng anh H1, chị H đang sử dụng đi làm không có ở nhà nên Tòa không thể tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt; nguyên đơn có thay đổi về yêu cầu số lãi tạm tính đến ngày 11/7/2024 là đề nghị Tòa giải quyết buộc chị H phải thanh toán cho V1 tổng số tiền là: 1.093.148.695 đồng trong đó: Hợp đồng LD2219301327 nợ gốc: 827.041.423 đồng, nợ lãi: 231.864.072 đồng; Hợp đồng 102-P-0072016 nợ gốc: 14.562.455 đồng, nợ lãi: 19.680.745 đồng. Ngoài ra vẫn giữ nguyên các nội dung khởi kiện khác và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và hướng xử lý tài sản như nguyên đơn trình bày. Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, H2 đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thực hiện tố tụng của Tòa án:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP V có đơn đề nghị Tòa giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Lan H phải thanh toán tiền gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết; đồng thời trường hợp chị H không thanh toán tiền cho V1 thì V1 có quyền có đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Do vậy, đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hợp đồng tín dụng, bị đơn chi **H** có đăng ký nơi cư trú là: **Thôn T, xã M, huyện U, thành phố Hà Nội** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về chứng cứ: Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ ngày 14/8/2024 đương sự xác nhận các tài liệu giao nộp đầy đủ trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu chứng cứ nào khác cần bổ sung. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập; không có ý kiến nào phản đối về chứng cứ. Do vậy, những tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa ngày 17/6/2024, đến phiên tòa hôm nay vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[1.4] Về việc thay đổi số tiền đề nghị: Nguyên đơn thay đổi số tiền so với đơn khởi kiện và buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị giải quyết tính đến xét xử sơ thẩm là: 1.081.433.525 đồng; số tiền tăng thêm là do tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi số tiền vì không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện là phù hợp với Điều 244 BLTTDS.

## **[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc, lãi cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ký kết 02 Hợp đồng tín dụng với **Ngân hàng TMCP V** cụ thể là: Hợp đồng cho vay số LN2205195809896 ngày 04/06/2022 vay 900.000.000 đồng; thời hạn vay: 72 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu PEUGEOT, NEW PEUGEOT 3008-ALLURE, 1.6L,AT sản xuất mới 100%; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8.3%/năm; ngoài ra còn có các thỏa thuận khác; Hợp đồng tín dụng số 102-P-0072016 cụ thể như sau: Hạn mức mở thẻ: 15.000.000 đồng; Loại thẻ: MC2; Mục đích vay: Phục vụ tiêu dùng cá nhân; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do **V1** quy định qua từng thời kỳ. Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng **V1** đã giải ngân cho chi **H** 900.000.000 đồng theo Giấy đề nghị giải ngân và đề nghị và xác nhận của đơn vị kinh doanh ngày 12/7/2022 và chuyển thẻ tín dụng số tiền 15.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng giữa **V1** và chi **H** trên cơ sở tự nguyện, bảo đảm các quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp

đồng chị H chưa thanh toán được tiền gốc lãi cho V1; đồng thời chị H vi phạm thời hạn thanh toán nên V1 nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng chị H vẫn không trả toàn bộ gốc và lãi. Do vi phạm Hợp đồng, V1 yêu cầu chị H phải trả số tiền gốc là có căn cứ.

Tại Hợp đồng cho vay và Hợp đồng tín dụng số 102-P-0072016 (thẻ tín dụng) đều thể hiện Hợp đồng vay có lãi suất, vay có thời hạn; đồng thời có quy định về lãi quá hạn. Việc thỏa thuận về lãi suất là tự nguyện của các đương sự, không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật.

V1 yêu cầu chị H phải thanh toán tiền nợ lãi, lãi quá hạn là phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V1, cụ thể buộc chị H phải thanh toán trả V1 số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/7/2024 tiền là: 1.093.148.695 đồng trong đó:

+ Hợp đồng LD2219301327 nợ gốc: 827.041.423 đồng; nợ lãi trong hạn: 11.715.170 đồng; lãi quá hạn: 207.402.317 đồng và lãi chậm trả: 12.746.684 đồng;

+ Hợp đồng 102-P-0072016 (Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn) nợ gốc: 14.562.455 đồng, nợ lãi: 19.680.745 đồng.

Vì vậy, buộc chị H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết kể từ ngày 12/7/2024 (Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của V1) cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm thì thấy:

Khi ký kết Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận biện pháp bảo đảm cụ thể là: 01 xe oto nhãn hiệu PEUGEOT, Số khung: RN2MJEP6ZNM091667, Số máy: 582364010UF205G02, Biển kiểm soát: 30H-765.37. Theo giấy chứng nhận đăng ký ô tô do phòng CSGT- Công an Thành phố H cấp ngày 04/07/2022. Thuộc quyền sở hữu của Bà Nguyễn Thị Lan H. Hợp đồng thế chấp số LN2205195809896 ngày 04/06/2022 giữa V1 với chị H.

Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ: Chiếc xe không có ở nhà nên Tòa đã không thể tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được.

Xét thấy Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp đã được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/6/2022. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của V1, V1 được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp

nêu trên khi chi **H** thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên phù hợp với các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả hết các khoản nợ cho **V1** thì chi **H** có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số nợ cho **V1**. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

**[4] Về án phí:** Căn cứ Điều 146; Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chi **Nguyễn Thị Lan H** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 44.794.461 đồng; **V1** không phải chịu án phí, hoàn lại cho **V1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.275.000 đồng.

**[5] Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của BLTTDS năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 74, Điều 146, Điều 147; Điều 244; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 317, 320, 321, 322, 323, 463 và 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V** đối với chi **Nguyễn Thị Lan H**.

2. Buộc chi **Nguyễn Thị Lan H** có nghĩa vụ thanh toán trả cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm - ngày 11/7/2024 là: 1.093.148.695đ (Một tỷ, không trăm chín mươi ba triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng) trong đó:

+ Hợp đồng LD2219301327: nợ gốc 827.041.423 đồng; nợ lãi trong hạn 11.715.170 đồng; lãi quá hạn 207.402.317 đồng và lãi chậm trả 12.746.684 đồng;

+ Hợp đồng 102-P-0072016: nợ gốc: 14.562.455 đồng, nợ lãi: 19.680.745 đồng.

Kể từ ngày 12/7/2024, chị **Nguyễn Thị Lan H** phải chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ theo 02 Hợp đồng cho vay số LN2205195809896 ngày 04/06/2022 và Hợp đồng tín dụng số 102-P-0072016 ngày 04/6/2022 (Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn) được điều chỉnh phù hợp với lãi suất cho vay của **V1** theo từng thời kỳ nhưng không được trái quy định pháp luật.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực chị **Nguyễn Thị Lan H** không trả được số tiền nợ trên và lãi phát sinh cho **V1** thì **V1** có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi toàn bộ khoản nợ cho **V1**, cụ thể: 01 xe oto nhãn hiệu PEUGEOT, Số khung: RN2MJEP6ZNM091667, Số máy: 582364010UF205G02, Biển kiểm soát: 30H-765.37. Theo giấy chứng nhận đăng ký ô tô do phòng CSGT- Công an Thành phố H cấp ngày 04/07/2022. Thuộc quyền sở hữu của Bà **Nguyễn Thị Lan H**. Hợp đồng thế chấp số LN2205195809896 ngày 04/06/2022 giữa **V1** với chị **H**; đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/6/2022.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả hết các khoản nợ cho **V1** thì chị **H** có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số nợ cho **V1**. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Buộc chị **Nguyễn Thị Lan H** phải nộp: 44.794.461 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm sáu mươi một đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền 19.275.000 đồng (*Mười chín triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011554 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, **TP** .

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Bích Hằng**